DANH SÁCH THÔN HỒNG TIẾN

STT	SỐ TỜ BẢN ĐỒ	TỜ 3 CẤP	SỐ THỨ TỰ THỬA	MÃ XÃ	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH	CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT	Thôn cũ
1926	61	1	207	18673	ONT	108,7	UBND xã	Tân Tiến
1930	61	1	221	18673	ONT	4827,3	Lê Viết An (tam)	Tân Tiến
1925	61	1	49	18673	ONT	1360,6	UBND xã	Tân Tiến
1924	61	1	551	18673	ONT	124,2	UBND xã	Tân Tiến
1923	61	1	557	18673	ONT	78,2	UBND xã	Tân Tiến
1932	61	1	558	18673	ONT	132,7	UBND xã	Tân Tiến
1931	61	1	577	18673	ONT	95,7	UBND xã	Tân Tiến
2504	94	15	194	18673	BHK	221,0	Phạm Văn Nhật	Chi Quan
2658	100	21	126	18673	ONT	2993,6	Bùi Đức Tăng	Tân Tiến
2661	100	21	3	18673	ONT	563,7	Nguyễn Tuý	Tân Tiến
2688	101	22	498	18673	ONT	898,8	Phạm Văn Doãn	Tân Tiến
3000	143	35	107	18673	ONT	805,7	Lê Công Hoà	Chi Quan
2986	143	35	108	18673	ONT	1000,3	Lê Đăng Vịnh	Chi Quan
3001	143	35	109	18673	ONT	1540,8	Đặng Văn Vượng	Chi Quan
2985	143	35	111	18673	CLN	737,5	Đặng Văn Thểu	Chi Quan
2992	143	35	128	18673	ONT+CLN	532,1	Vắng chủ	Chi Quan
2997	143	35	135	18673	ONT	437,5	Lê Quang Bởn	Chi Quan
2994	143	35	19	18673	ONT	1106,0	Nguyễn Văn Bình	Chi Quan
2993	143	35	3000	18673	ONT+CLN	712,4	Lê Đăng Bình	Chi Quan
2995	143	35	3001	18673	ONT	408,6	Lê Thị Thêm	Chi Quan
2989	143	35	35	18673	ONT	967,7	Đặng Thị Liên	Chi Quan
2996	143	35	58	18673	ONT	727,7	Lê Quang Bởn	Chi Quan
2987	143	35	64	18673	ONT	1165,6	Lê Quang Định	Chi Quan
2984	143	35	74	18673	ONT	733,0	Lê Quang Thành	Chi Quan
2990	143	35	79	18673	ONT	574,3	Vũ Thị Xờ	Chi Quan
2998	143	35	82	18673	ONT	1264,6	Phạm Văn Tuấn	Chi Quan
2999	143	35	83	18673	ONT	519,2	Phạm Văn Hưng	Chi Quan
2991	143	35	91	18673	ONT	933,3	Lê Thị Thuỳ	Chi Quan
3002	144	36	38	18673	ONT+CLN	2800,9	Phan Thị Xuân	Chi Quan

3165	149	41	105	18673	ONT	2018,2	Đặng Thị Phương	Chi Quan
3151	149	41	107	18673	ONT	867,4	Vũ Thị Huệ	Chi Quan
3166	149	41	108	18673	ONT	1200,9	Lê Thị Minh	Chi Quan
3162	149	41	109	18673	ONT	2815,4	Vũ Thị Thiệu	Chi Quan
3167	149	41	113	18673	ONT	761,7	Lê Quang Dưỡng	Chi Quan
3142	149	41	126	18673	ONT	832,8	Nguyễn Thị Lành	Chi Quan
3156	149	41	132	18673	ONT	1737,6	Lê Thị Biểu	Chi Quan
3139	149	41	13	18673	ONT	643,7	Lê Quang Văn	Chi Quan
3144	149	41	175	18673	ONT+CLN	1054,9	Vắng chủ	Chi Quan
3157	149	41	176	18673	ONT+CLN	239,7	Vắng chủ	Chi Quan
3140	149	41	17	18673	ONT	237,7	Lê Quang Hải	Chi Quan
3141	149	41	21	18673	ONT	850,4	Lê Quang Toản	Chi Quan
3145	149	41	25	18673	ONT	1065,2	Đặng Thế Lợi	Chi Quan
3158	149	41	2	18673	ONT	671,4	Lê Quang Thuần	Chi Quan
3143	149	41	31	18673	ONT	542,5	Nguyễn Văn Việt	Chi Quan
3153	149	41	35	18673	ONT	940,1	Lê Quang Nguyện	Chi Quan
3146	149	41	36	18673	ONT	1367,7	Phạm Viết Công	Chi Quan
3154	149	41	42	18673	ONT	1175,8	Đặng Thế Chiếc	Chi Quan
3160	149	41	48	18673	ONT	263,0	Lê Quang Nhẩm	Chi Quan
3170	149	41	50	18673	ONT	495,3	Nguyễn Đình Thắng	Chi Quan
3161	149	41	56	18673	ONT	524,5	Nguyễn Văn Linh	Chi Quan
3164	149	41	57	18673	ONT	856,9	Lê Thị Hảo	Chi Quan
3168	149	41	59	18673	ONT	1604,0	Lê Đăng Nhỡ	Chi Quan
3152	149	41	5	18673	ONT	241,0	Lê Quang Luyện	Chi Quan
3155	149	41	60	18673	ONT	868,7	Lê Đăng Thảo	Chi Quan
3147	149	41	76	18673	ONT	498,6	Nguyễn Văn Văn	Chi Quan
3148	149	41	79	18673	ONT	208,2	Hoàng Thị Tuyết	Chi Quan
3169	149	41	80	18673	ONT	1188,2	Hoàng Văn Hóa	Chi Quan
3149	149	41	83	18673	ONT	1076,8	Nguyễn Thị Hợi	Chi Quan
3150	149	41	90	18673	BHK	1540,9	Hoàng Văn Phương	Chi Quan
3163	149	41	92	18673	ONT	3505,2	Lê Quang Kiều	Chi Quan
3185	150	42	105	18673	ONT	576,7	Nguyễn Thị Liên	Thượng Long
3186	150	42	109	18673	ONT	541,7	Nguyễn Đình Hiển	Thượng Long

3182	150	42	10	18673	ONT	114,3	Phạm Thị Hợi	Thượng Long
3180	150	42	13	18673	ONT	159,3	Hoàng Thị Thu	Thượng Long
3177	150	42	14	18673	ONT	147,3	Nguyễn Thị Lâm	Thượng Long
3190	150	42	19	18673	ONT	547,0	Nguyễn Thị Dân	Thượng Long
3172	150	42	20	18673	ONT	353,5	Nguyễn Thị Tâm	Thượng Long
3183	150	42	21	18673	ONT+CLN	663,8	Nguyễn Cự Sỹ	Thượng Long
3173	150	42	22	18673	ONT+CLN	1364,6	Nguyễn Văn Chân	Thượng Long
3178	150	42	35	18673	ONT	847,4	Trần Thị Thu	Thượng Long
3191	150	42	36	18673	ONT	373,7	Nguyễn Thị Hoa	Thượng Long
3175	150	42	37	18673	ONT	740,8	Nguyễn Thị Lan	Thượng Long
3192	150	42	38	18673	ONT	683,7	Hồ Thị Hoa	Thượng Long
3184	150	42	41	18673	ONT	1076,5	Hồ Thị Oanh	Thượng Long
3179	150	42	51	18673	ONT	750,2	Nguyễn Thị Châu	Thượng Long
3187	150	42	5	18673	ONT	1434,1	Lê Quang A	Thượng Long
3181	150	42	76	18673	ONT	1367,8	Lê Thị Long	Thượng Long
3174	150	42	82	18673	ONT	859,1	Nguyễn Thị Châu	Thượng Long
3189	150	42	97	18673	ONT	912,9	Lê Thị Hải	Thượng Long
3176	150	42	98	18673	ONT	1080,5	Nguyễn Thị Thảo	Thượng Long
3205	151	43	113	18673	ONT	186,2	Đặng Thị Hy	Thượng Long
3204	151	43	115	18673	ONT	225,7	Đặng Thị Hy	Thượng Long
3201	151	43	127	18673	CLN	330,0	Nguyễn Đình Nhu	Thượng Long
3200	151	43	13	18673	ONT	221,6	Nguyễn Thị Lâm	Thượng Long
3195	151	43	14	18673	ONT	225,3	Vũ Thị Hồng	Thượng Long
3210	151	43	15	18673	ONT	221,4	Nguyễn Văn Lộc	Thượng Long
3207	151	43	17	18673	ONT	208,2	Nguyễn Hữu Thống	Thượng Long
3197	151	43	19	18673	ONT	223,6	Nguyễn Bình Trung	Thượng Long
3198	151	43	21	18673	ONT	225,8	Nguyễn Hữu Thủy	Thượng Long
3203	151	43	26	18673	ONT	401,5	Nguyễn Thị Huệ	Thượng Long
3209	151	43	3000	18673	ONT	288,5	Nguyễn Thị Hệ	Thượng Long
3193	151	43	33	18673	ONT+CLN	357,9	Nguyễn Tất Mạo	Thượng Long
3208	151	43	58	18673	ONT	894,5	Đặng Thị Sinh	Thượng Long
3206	151	43	75	18673	ONT	592,2	Chu Thị Lâm	Thượng Long
3194	151	43	95	18673	ONT	862,0	Nguyễn Đình Điệu	Thượng Long

3196	151	43	99	18673	ONT	201,6	Nguyễn Văn Du	Thượng Long
3233	153	45	10	18673	ONT+CLN	1026,5	Phạm Văn Nhật	Chi Quan
3241	153	45	12	18673	ONT	1422,5	Lê Thị Thủy	Chi Quan
3234	153	45	16	18673	ONT	1665,8	Phạm Thị Hằng	Chi Quan
3239	153	45	1	18673	ONT	1163,4	Nguyễn Thị Lục	Chi Quan
3235	153	45	25	18673	ONT	1041,1	Nguyễn Thị Cảnh	Chi Quan
3237	153	45	28	18673	ONT	1619,3	Nguyễn Thị Nho	Chi Quan
3238	153	45	30	18673	ONT	1017,7	Lê Thị Ngọc	Chi Quan
3236	153	45	5	18673	ONT+CLN	1480,9	Phạm Thị Hoà	Chi Quan
3232	153	45	8	18673	ONT	1611,8	Lê Thị Thi	Chi Quan
3240	153	45	9	18673	ONT	3022,3	Đặng Thị Thi	Chi Quan
3452	166	58	15	18673	ONT	3308,6	Lê Thị Lương	Tân Tiến
3451	166	58	29	18673	ONT	1512,6	Đinh Thị Thịnh	Tân Tiến
3461	167	59	14	18673	ONT	237,4	Nguyễn Thị Thắng	Tân Tiến
3464	167	59	26	18673	ONT	2433,0	Lê Thị Lương	Tân Tiến
3455	167	59	38	18673	ONT	1341,5	Phạm Thị Tuyết	Tân Tiến
3473	168	60	15	18673	ONT	791,3	Nguyễn Thị Phương	Tân Tiến
3476	168	60	16	18673	ONT	750,6	Nguyễn Thị Loan	Tân Tiến
3471	168	60	18	18673	ONT	1159,0	Trần Thị Vinh	Tân Tiến
3472	168	60	1	18673	ONT	1039,1	Nguyễn Thị Đường	Tân Tiến
3467	168	60	20	18673	ONT	455,5	Nguyễn Thị Hiền	Tân Tiến
3474	168	60	25	18673	ONT	2600,8	Chu Thị Liêm	Tân Tiến
3465	168	60	4	18673	ONT	688,6	Nguyễn Thị Hảo	Tân Tiến
3469	168	60	68	18673	ONT	347,1	UBND xã	Tân Tiến
3468	168	60	6	18673	ONT	717,2	Nguyễn Đình Lực	Tân Tiến
3470	168	60	73	18673	ONT+CLN	198,0	Vắng chủ	Tân Tiến
3466	168	60	7	18673	ONT	1042,8	Nguyễn Thị Thuỷ	Tân Tiến
3477	168	60	8000	18673	ONT	2643,9	Võ Thị Hoa	Tân Tiến
3532	177	69	12	18673	ONT	237,2	Chu Văn Hậu	Tân Tiến
3539	178	70	119	18673	ONT	2857,9	Trần Văn Vinh	Tân Tiến
3540	178	70	130	18673	ONT+CLN	3084,8	Nguyễn Thị Huệ	Tân Tiến
3535	178	70	131	18673	ONT	4158,6	Đặng Văn Tưng	Tân Tiến
3536	178	70	7	18673	ONT	3282,9	Nguyễn Thị Phúc	Tân Tiến

3537	178	70	83	18673	ONT	913,6	Nguyễn Thị Thuỷ	Tân Tiến
3541	178	70	8	18673	ONT	1552,0	Nguyễn Thị Nhung	Tân Tiến
3545	179	71	11	18673	CLN	2484,6	Lê Thị Mai	Tân Tiến
3546	179	71	26	18673	ONT	2743,4	Nguyễn Thị Trinh	Tân Tiến
3544	179	71	3000	18673	ONT	4324,2	Lê Thị Mai	Tân Tiến
3547	180	72	20	18673	ONT+CLN	4887,5	Nguyễn Thị Hiền	Tân Tiến
3550	180	72	24	18673	ONT	6089,3	Lê Quang Phúc	Tân Tiến
3551	180	72	28	18673	ONT+CLN	1972,6	Nguyễn Thị Hiền	Tân Tiến
3548	180	72	36	18673	ONT	3458,4	Võ Sỹ Hùng	Tân Tiến
3549	180	72	6	18673	ONT	1567,4	Nguyễn Văn Nam	Tân Tiến